

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-12-2025

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Chương

2. Ông Phạm Thanh Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/11/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị L; nơi cư trú: thôn L, xã N, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Xuân T; nơi cư trú: thôn L, xã N, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Xuân T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 27/02/1996. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu hoà thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng rạn nứt về tình cảm,

thường xuyên cãi vã, quan điểm sống trái chiều khiến ngày càng không thể hàn gắn được. Anh T thiếu sự quan tâm đến gia đình, vợ con, hay gây gổ, đánh đập dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Hiện tại chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được nên nguyện vọng xin được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Theo chị L, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Mai Thái S, sinh ngày 04/10/1997 và Mai Linh G, sinh ngày 07/3/2005. Hiện tại, các con đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên các con muốn ở với ai là do các con tự quyết định, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng như: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải cho anh Mai Xuân T nhưng anh T đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú và gia đình của anh, kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã thực hiện xử lý công văn đến, công văn đi theo quy định, đã cử cán bộ văn thư, liên lạc giao đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án cho phía bị đơn anh Mai Xuân T. Anh T mặc dù đang làm ăn, sinh sống, có mặt tại địa phương, biết rõ việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án; không gửi bản khai, bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, đã cố tình trốn tránh, vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Mai Xuân T vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị L được ly hôn anh Mai Xuân T; về quan hệ con chung: không xem xét; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; về án phí sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị L khởi kiện xin ly hôn đối với anh Mai Xuân T. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, anh Mai Xuân T vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh Mai Xuân T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Phan Thị L và anh Mai Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 27/02/1996, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn lễ ra vợ chồng cần phải biết thương yêu, tôn trọng, chia sẻ để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng giữa chị L và anh T đã không thực hiện được. Giữa hai người tính tình ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm, không tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau nên thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau, hai bên không tìm được hướng đi chung, vì vậy đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay; không còn quan tâm, lo lắng gì đến nhau, không còn giải pháp hàn gắn.

[2.2] Tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía trong khi chị L xác định thật sự không còn tình cảm gì với anh T, không thể quay lại để tiếp tục sống chung cùng anh T được nữa mà kiên quyết xin được ly hôn. Còn đối với anh T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, triệu tập nhiều lần theo quy định của pháp luật và mặc dù biết việc Tòa án đang giải quyết việc chị L xin ly hôn anh nhưng anh T đã vắng mặt, không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án. Điều này thể hiện việc anh T không còn quan tâm, không thực hiện mà từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với gia đình và pháp luật.

[2.3] Xét nguyện vọng mong muốn xin được ly hôn của chị Phan Thị L cũng như xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị L, xét xử cho chị Phan Thị L được ly hôn anh Mai Xuân T.

[3] Về quan hệ con chung: Giữa chị Phan Thị L và anh Mai Xuân T có 02 con chung tên Mai Thái S, sinh ngày 04/10/1997 và Mai Linh G, sinh ngày 07/3/2005. Đối với con chung của chị L, anh T thì hiện tại các con chung là những người đã trưởng thành, có khả năng tự lao động tạo ra thu nhập tự nuôi sống bản thân mình nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Phan Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết mà vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Buộc chị Phan Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị L được ly hôn anh Mai Xuân T

2. Về quan hệ con chung: Không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí chị L phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu số 0000413, ngày 03/10/2025.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 3;
- UBND xã N;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thục